

Số: 128 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 25/01/2022 đến 16h00 ngày 26/01/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Đến nay, tổng số ca mắc COVID-19 trên toàn cầu trên 360 triệu ca, trong đó trên 5,6 triệu ca tử vong. Trong 24 giờ qua, thế giới có thêm trên 2,4 triệu ca nhiễm mới và 7.200 ca tử vong.

Châu Âu là khu vực ghi nhận nhiều ca mắc nhất với trên 116,7 triệu ca nhiễm, tiếp đến là châu Á với trên 96 triệu ca nhiễm. Bắc Mỹ ghi nhận trên 85,6 triệu ca nhiễm, Nam Mỹ là trên 46,42 triệu ca, tiếp đến là châu Phi trên 10,79 triệu ca và châu Đại Dương trên 2,46 triệu ca nhiễm.

Trung tâm Phòng ngừa và Kiểm soát dịch bệnh (CDC) cùng Bộ Ngoại giao Mỹ đã khuyến cáo người dân nước này tránh đến 15 quốc gia và vùng lãnh thổ do lo ngại sự lây lan của dịch COVID-19, gồm: Colombia, Costa Rica, CH Dominica, Fiji, Jamaica, Guadalupe, Kuwait, Mongolia, Niger, Peru, Romania, Saint Barthelemy, Saint Martin, Tunisia và Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất (UAE).

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 26/01/2022, cả nước ghi nhận 2.187.481 ca mắc, trong đó 2.182.249 ca trong nước. Đến nay đã có 1.924.609 người khỏi bệnh, 37.010 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 2.184.629 ca, trong đó có 2.180.679 ca trong nước (99,8%), 1.921.792 người đã khỏi bệnh (88%), 36.975 tử vong tại 57 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 15.954 ca mắc mới, trong đó 15.885 ca ghi nhận trong nước (tăng 186 ca so với ngày trước đó) tại 61 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.884), Đà Nẵng (991), Bắc Ninh (865), Hải Phòng (702), Thanh Hóa (587), Quảng Nam (572), Bắc Giang (485), Vĩnh Phúc (465), Bình Định (433), Hòa Bình (425), Quảng Ngãi (396), Hưng Yên (387), Hải Dương (370), Nam Định (360), Bình Phước (315), Bến Tre (301), Quảng Ninh (297), Nghệ An (294), Thái Bình (270), Phú Thọ (270), Thừa Thiên Huế (255), Cà Mau (244), Thái Nguyên (235), Lâm Đồng (229), Lào Cai (202), Kon Tum (192), Lạng Sơn (154), Vĩnh Long (153), Khánh Hòa (145), Sơn La (140), Hà Nam (137), Tây Ninh (136), Hà Tĩnh (131), Ninh Bình (121), Hồ Chí Minh (121), Quảng Bình (121), Quảng Trị (120), Điện Biên (117), Bà Rịa - Vũng Tàu (115), Tuyên Quang

(110), Hà Giang (109), Yên Bái (100), Trà Vinh (96), Bình Thuận (87), Bình Dương (76), Đắk Nông (69), Cao Bằng (62), Hậu Giang (57), Đồng Tháp (54), Cần Thơ (44), Đồng Nai (39), Long An (39), An Giang (37), Lai Châu (32), Ninh Thuận (29), Kiên Giang (28), Sóc Trăng (26), Tiền Giang (26), Bắc Kạn (23), Gia Lai (3), Đắk Lắk (2).

+ Có 69 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hồ Chí Minh (21), Quảng Nam (16), Đà Nẵng (15), An Giang (7), Hải Phòng (2), Hưng Yên (2), Nghệ An (2), Hải Dương (1), Quảng Trị (1), Thừa Thiên Huế (1), Long An (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.884 ca mắc, trong đó 326 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 998 ca tầm soát trong cộng đồng và 1.560 ca trong khu cách ly. Số mắc mới (2.884 ca) được phân bố tại 30 quận, huyện như sau: Gia Lâm 257, Hoàng Mai 241, Nam Từ Liêm 207, Đống Đa 197, Đống Anh 191, Bắc Từ Liêm 180, Thanh Xuân 162, Hoài Đức 143, Chương Mỹ 128, Thanh Trì 126, Hà Đông 120, Hai Bà Trưng 109, Thanh Oai 105, Thường Tín 105, Hoàn Kiếm 103, Cầu Giấy 75, Ba Đình 68, Mê Linh 67, Tây Hồ 45, Sóc Sơn 42, Đan Phượng 40, Long Biên 38, Phúc Thọ 33, Phú Xuyên 21, Thạch Thất 17, Quốc Oai 15, Mỹ Đức 13, Sơn Tây 10, Ba Vì 5, Ứng Hòa 3 và 18 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Đắk Lắk (giảm 301), Hưng Yên (giảm 236), Bạc Liêu (giảm 146).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Bắc Ninh (tăng 305), Quảng Nam (tăng 271), Lạng Sơn (tăng 154).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 10.571 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 66,5% tổng số mắc trong ngày), giảm 162 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Tiền Giang: Trong ngày ghi nhận 4 ca cộng đồng (giảm 1 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 35.272 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 9 ca cộng đồng (giảm 3 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 32.864 ca.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.324 ca cộng đồng (giảm 370 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 117.268 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 944 ca cộng đồng (tăng 15 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 28.124 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hải Phòng tăng 1.570 ca, Đà Nẵng tăng 990 ca, TP. ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Trà Vinh (giảm 2.221 ca), Bình Định (giảm 1.452 ca), Bình Phước (giảm 1.323 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 1.921.792 người đã khỏi bệnh (88%), tăng 20.540 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 225.862 trường hợp, trong đó có 4.402 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 3.006; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 645; (3) Thở máy không xâm lấn: 118; (4) Thở máy xâm lấn: 617; (5) EMO: 17.

- Trong ngày 25/01, ghi nhận 126 trường hợp tử vong (giảm 39 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (5) trong đó có 4 ca từ các tỉnh chuyển đến như sau: Tiền Giang (1), Đồng Nai (1), Ninh Thuận (1), Hậu Giang (1).

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: Hà Nội (18), Bà Rịa - Vũng Tàu (9), Tiền Giang (9), Vĩnh Long (9), Cần Thơ (8), Hải Phòng (7 ca trong 02 ngày), Đồng Tháp (6), Huế (6 ca trong 02 ngày), Đà Nẵng (4), Bình Dương (4), Bình Thuận (4), An Giang (4), Kiên Giang (4), Ninh Bình (3), Trà Vinh (3), Hòa Bình (3), Bình Phước (3), Hậu Giang (3), Cà Mau (3), Đắk Lắk (2), Bắc Ninh (2), Tây Ninh (2), Lào Cai (1), Bắc Kạn (1), Hà Nam (1), Nam Định (1), Bến Tre (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngày 26/01/2022, Bộ Y tế ban hành Công văn số 425/BYT-DP về việc tăng cường phòng, chống dịch bệnh dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa lễ hội đầu năm 2022.

- Ngày 26/01/2022, Bộ Y tế ban hành Công văn số 433/BYT-MT về việc tạo điều kiện thuận lợi cho người nhập cảnh vào Việt Nam nhân dịp Tết Nguyên đán năm 2022.

- Ngày 26/01/2022, Bộ Y tế ban hành Công văn số 429/BYT-MT về việc phòng, chống dịch đối với tổ bay trên các chuyến bay quốc tế.

Chỉ đạo hướng dẫn các địa phương tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 128/NQ-CP và tiếp tục hoàn thiện hướng dẫn sửa đổi đánh giá cấp độ dịch tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức chiến dịch tiêm chủng vắc xin thần tốc mùa xuân năm 2022 theo tinh thần làm xuyên Tết, "đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người", bảo đảm an toàn, khoa học, hiệu quả theo hướng dẫn của Bộ Y tế; phân đầu trong quý I/2022 hoàn thành việc tiêm mũi 3 cho người trên 18 tuổi, bảo đảm tiêm hết cho người cao tuổi, người có bệnh nền, lực lượng tuyến đầu, công nhân lao động trong các khu công nghiệp cho những người có đủ điều kiện tiêm chủng.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 25/01/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 37.744.856 mẫu cho 80.678.473 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 32.010.511 mẫu tương đương 76.930.534 lượt người, tăng 76.538 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.773.948 mẫu gộp cho 47.814.820 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 25/01/2022 là 211.930.934 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	31.131.140	12.927.860	17.816.880	386.400	61.458.176

2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	105.604.768	51.024.460	27.716.910	26.863.398	211.930.934
II	Tổng số vắc xin đã tiêm						178.818.612
III	Số vắc xin còn lại chưa tiêm						33.112.322

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 211,9 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 194,2 triệu liều; còn khoảng 17,7 triệu liều chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 25/01/2022

Cả nước đã tiêm 178.818.612 liều (trong ngày tiêm được 1.442.562 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 92,1% số vắc xin phân bổ 122 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	95,7%	22,3%
Trẻ em (12-17 tuổi)	95,2%	86,0%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 162.825.393 liều:

+ Mũi 1: 70.545.104 liều

+ Mũi 2: 67.802.973 liều ; Mũi bổ sung: 8.996.196 liều.

+ Mũi 3: 15.481.120 liều

49/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

14/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 79% - dưới 90% .

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 15.993.219 liều:

+ Mũi 1: 8.400.588 liều

+ Mũi 2: 7.592.631 liều.

30/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

18/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 80-dưới 90% .

15/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 23% - dưới 80% .

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên, các địa phương đang tiến hành rà soát và cập nhật lại đối tượng. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có)

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)
VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Đến nay dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Tất cả các địa phương đều đã chuyển sang trạng thái “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” theo Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ. Tuy vậy, số mắc mới vẫn tiếp tục ghi nhận tại hầu hết các tỉnh, thành phố trên cả nước với khoảng 15.000 ca mỗi ngày. Việt Nam cũng đã ghi nhận 163 ca bệnh nhiễm biến thể Omicron, trong đó có 06 ca được phát hiện trong cộng đồng; nguy cơ Omicron lây lan trên diện rộng là rất cao. Trong thời gian tới, với nhu cầu đi lại trong dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội năm 2022, có thể sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều chuỗi lây nhiễm và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh trong cộng đồng, kể cả biến chủng Omicron và thậm chí có thể sẽ có những biến thể mới khác ngoài Omicron, trong bối cảnh dần mở cửa các hoạt động xã hội, phát triển kinh tế trở lại sẽ làm gia tăng số nhập viện tạo áp lực lớn lên hệ thống chăm sóc y tế, đặc biệt tác động đến các nhóm đối tượng nguy cơ cao mắc bệnh nặng (người già, người có bệnh nền). Bộ Y tế thường xuyên trao đổi với WHO để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này, trên cơ sở đó đề xuất các phương án, biện pháp phòng, chống dịch kịp thời, phù hợp, hiệu quả phù hợp với diễn biến tình hình dịch.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục chỉ đạo việc tổ chức, triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 128/NQ-CP và hoàn thiện ban hành hướng dẫn sửa đổi đánh giá cấp độ dịch tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT của Bộ Y tế.

Cấp ủy, chính quyền các địa phương phối hợp, tham gia đón người dân từ các nơi trở về an toàn, không ngăn sông cấm chợ; đề cao ý thức người dân trong phòng, chống dịch dịp Tết, đề nghị người dân di chuyển về địa phương bảo đảm an toàn trật tự, thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Nhà nước. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định; kịp thời chấn chỉnh việc áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch không phù hợp.

2. Hướng dẫn người dân về quê nhân dịp Tết Nguyên đán thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 gồm thực hiện 5K, tự theo dõi sức khỏe, không phải cách ly y tế; nếu có biểu hiện nghi ngờ mắc COVID-19 như sốt, ho, khó thở... thì hạn chế tiếp xúc và hạn chế đi lại, thông báo ngay cho y tế địa phương để được hướng dẫn, xét nghiệm SARS-COV-2 và xử trí theo quy định.

3. Về công tác y tế: (1) Xây dựng kế hoạch tổ chức chiến dịch tiêm chủng vắc xin thần tốc mùa xuân năm 2022 theo tinh thần làm xuyên Tết, "đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người", bảo đảm an toàn, khoa học, hiệu quả theo hướng dẫn của Bộ Y tế; phấn đấu trong quý I/2022 hoàn thành việc tiêm mũi 3 cho người trên 18 tuổi, bảo đảm tiêm hết cho người cao tuổi, người có bệnh nền, lực lượng tuyến đầu, công nhân lao động trong các khu công nghiệp cho những người có đủ điều kiện tiêm chủng. (2) Tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình

hình dịch do biến chủng Omicron gây ra; tăng cường giám sát, quản lý các trường hợp nhập cảnh từ nước ngoài, đặc biệt các trường hợp đi/đến các quốc gia, khu vực đã ghi nhận biến chủng mới; chuẩn bị các phương án về vắc xin, thuốc điều trị và các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với biến chủng mới của SARS-CoV-2. (3) Chuẩn bị đủ các vật tư thiết bị y tế và đặc biệt là dự trữ oxy phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19. (4) Xin ý kiến tổ chức hội nghị đánh giá kết quả 02 năm triển khai công tác phòng, chống dịch COVID-19.

4. Tiểu ban An toàn trật tự xã hội phòng, chống dịch COVID-19 Bộ Công an tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và hoàn thành công tác trọng tâm bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ phòng, chống dịch bệnh dịp Tết Nguyên đán 2022.

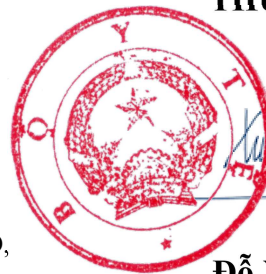
5. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội; chung tay chăm lo để mọi người đều có một cái Tết ấm no, hạnh phúc, bù đắp lại những khó khăn, vất vả do dịch bệnh và vận động người dân sớm trở lại làm việc sau kỳ nghỉ, phối hợp đưa người lao động trở lại các thành phố lớn...; triển khai kế hoạch cụ thể đưa học sinh trở lại học tập trực tiếp tại trường, bảo đảm an toàn phòng, chống dịch.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 25/01	Số mắc ngày 26/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 26/01	Số tử vong tích lũy đến 25/01
Có lấy nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		15.699	15.885	186	2.180.477	36.975
1	Hồ Chí Minh	99	121	22	513.091	20.297
2	Bình Dương	61	76	15	292.440	3.366
3	Hà Nội	2956	2.884	-72	117.268	366
4	Đồng Nai	31	39	8	99.756	1.630
5	Tây Ninh	146	136	-10	87.571	811
6	Khánh Hòa	200	145	-55	61.037	257
7	Cà Mau	200	244	44	55.336	272
8	Vĩnh Long	151	153	2	52.963	645
9	Đồng Tháp	52	54	2	47.175	881
10	Bình Phước	335	315	-20	44.899	149
11	Cần Thơ	42	44	2	44.251	838
12	Long An	38	39	1	41.475	974
13	Trà Vinh	123	96	-27	37.631	219
14	Bến Tre	352	301	-51	37.129	338
15	An Giang	35	37	2	35.409	1.275
16	Tiền Giang	11	26	15	35.272	1.180
17	Bạc Liêu	146		-146	34.975	344
18	Kiên Giang	26	28	2	32.864	761
19	Sóc Trăng	12	26	14	32.154	531
20	BRVT	68	115	47	30.581	359
21	Bình Định	374	433	59	30.619	112
22	Bình Thuận	77	87	10	29.049	363
23	Đà Nẵng	989	991	2	28.124	99
24	Hải Phòng	704	702	-2	27.551	39
25	Bắc Ninh	560	865	305	22.091	36
26	T.T.Huế	305	255	-50	20.470	121
27	Thanh Hóa	685	587	-98	17.974	12
28	Hưng Yên	623	387	-236	16.368	2
29	Hậu Giang	69	57	-12	15.727	158
30	Đắc Lắc	303	2	-301	15.352	80
31	Lâm Đồng	225	229	4	15.248	51
32	Bắc Giang	445	485	40	13.772	17
33	Quảng Ngãi	400	396	-4	13.632	33
34	Nghệ An	263	294	31	12.646	39
35	Quảng Nam	301	572	271	12.479	25
36	Hà Giang	104	109	5	11.504	23
37	Quảng Ninh	322	297	-25	11.418	6
38	Phú Yên	50		-50	9.733	58
39	Gia Lai	3	3	0	9.643	28
40	Hải Dương	397	370	-27	9.691	11
41	Vĩnh Phúc	385	465	80	9.106	8
42	Nam Định	337	360	23	8.810	8
43	Đắc Nông	48	69	21	7.944	20
44	Thái Nguyên	271	235	-36	6.981	3
45	Ninh Thuận	34	29	-5	6.767	56

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 25/01	Số mắc ngày 26/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 26/01	Số tử vong tích lũy đến 25/01
46	Phú Thọ	370	270	-100	6.826	9
47	Hòa Bình	386	425	39	6.794	18
48	Thái Bình	267	270	3	6.352	
49	Quảng Bình	186	121	-65	5.783	7
50	Hà Nam	138	137	-1	5.007	2
51	Quảng Trị	59	120	61	4.197	4
52	Lạng Sơn		154	154	3.904	10
53	Sơn La	152	140	-12	3.629	
54	Ninh Bình	34	121	87	3.334	10
55	Tuyên Quang	70	110	40	3.098	
56	Lào Cai	202	202	0	2.812	2
57	Hà Tĩnh		131	131	2.532	6
58	Yên Bái	114	100	-14	2.437	
59	Kon Tum	178	192	14	2.335	
60	Điện Biên	80	117	37	2.083	1
61	Cao Bằng	34	62	28	1.589	2
62	Bắc Kạn	34	23	-11	872	3
63	Lai Châu	37	32	-5	917	
14 ngày qua không có lấy nhiệm vụ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	15.699	15.885	186	2.180.679	36.975

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 25/01/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 122 đợt
1	Hà Nội	16.619.142	6.205.564	5.932.489	0	230.642	2.333.385	694.954	667.517	16.064.551	96,7%
2	Hải Phòng	4.200.320	1.659.430	1.525.307	0	41.169	49.351	152.042	148.204	3.575.503	85,1%
3	Thái Bình	2.860.940	1.148.409	1.178.108	96.673	90.540	174.501	149.691	135.080	2.973.002	103,9%
4	Nam Định	2.728.360	1.134.586	1.106.895	0	53.180	97.777	153.214	141.206	2.686.858	98,5%
5	Hà Nam	1.699.760	580.609	569.900	0	262.788	122.925	70.943	69.101	1.676.266	98,6%
6	Ninh Bình	1.602.960	636.194	654.320	0	154.521	84.838	82.166	76.925	1.688.964	105,4%
7	Thanh Hoá	6.783.480	2.308.654	2.135.637	228.432	93.780	25.532	280.923	216.349	5.289.307	78,0%
8	Bắc Giang	3.566.480	1.302.621	1.280.681	0	50.520	717.195	149.190	140.421	3.640.628	102,1%
9	Bắc Ninh	2.992.450	1.127.890	1.070.128	0	353.608	274.703	115.270	107.909	3.049.508	101,9%
10	Phú Thọ	2.175.740	965.660	872.201	0	135.859	34.902	124.912	107.794	2.241.328	103,0%
11	Vĩnh Phúc	2.163.070	779.399	700.124	0	93.504	92.626	107.891	102.508	1.876.052	86,7%
12	Hải Duong	3.194.630	1.319.154	1.193.602	4.272	80.877	276.473	157.053	143.097	3.174.528	99,4%
13	Hung Yên	2.352.762	818.736	790.053	0	82.491	95.851	109.641	107.204	2.003.976	85,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 122 đợt
14	Thái Nguyên	2.292.690	906.993	829.243	12.792	153.670	113.409	107.750	105.416	2.229.273	97,2%
15	Bắc Cạn	565.100	212.475	197.547	0	291	11.607	20.388	6.108	448.416	79,4%
16	Quảng Ninh	3.125.858	988.368	931.017	0	21.625	744.039	119.421	110.336	2.914.806	93,2%
17	Hoà Bình	1.556.610	540.659	501.876	0	26.692	4.972	75.444	71.462	1.221.105	78,4%
18	Nghệ An	5.448.880	1.978.184	1.961.775	499.033	231.703	233.049	281.138	241.970	5.426.852	99,6%
19	Hà Tĩnh	2.240.650	798.352	725.504	0	165.733	81.735	112.855	106.866	1.991.045	88,9%
20	Lai Châu	745.270	253.974	241.851	0	88.222	42.229	52.330	46.640	725.246	97,3%
21	Lạng Sơn	1.533.890	499.399	484.889	0	0	235.126	66.486	62.735	1.348.635	87,9%
22	Tuyên Quang	1.354.160	486.993	467.519	0	35.763	141.026	70.237	67.026	1.268.564	93,7%
23	Hà Giang	1.542.780	478.735	441.558	161	13.904	84.817	84.772	69.457	1.173.404	76,1%
24	Cao Bằng	865.380	345.301	311.234	0	49.098	64.931	44.984	39.130	854.678	98,8%
25	Yên Bái	1.555.860	509.127	490.959	0	200.282	104.485	77.999	73.934	1.456.786	93,6%
26	Lào Cai	1.459.780	459.459	440.269	0	198.549	66.565	78.699	71.522	1.315.063	90,1%
27	Sơn La	1.706.930	774.272	663.008	1.569	0	87.954	94.886	106.900	1.728.589	101,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 122 đợt
28	Điện Biên	1.115.500	330.098	300.837	0	126.470	68.712	72.701	54.023	952.841	85,4%
Cộng miền Bắc		80.049.432	29.549.295	27.998.531	842.932	3.035.481	6.464.715	3.707.980	3.396.840	74.995.774	93,7%
29	Quảng Bình	1.374.770	528.552	506.461	0	27.573	52.015	76.451	59.221	1.250.273	90,9%
30	Quảng Trị	1.222.182	428.508	410.930	9.896	33.133	51.623	60.935	40.645	1.035.670	84,7%
31	TT- Huế	2.264.176	785.092	747.559	0	200.580	133.060	102.318	98.118	2.066.727	91,3%
32	Tp. Đà Nẵng	2.133.682	861.311	850.754	0	84.305	130.568	100.536	98.437	2.125.911	99,6%
33	Quảng Nam	2.902.400	1.037.917	1.005.382	28.204	156.830	48.069	128.446	124.026	2.528.874	87,1%
34	Quảng Ngãi	2.463.394	841.894	783.340	0	4.458	90.048	110.869	94.661	1.925.270	78,2%
35	Bình Định	2.738.680	1.044.347	999.079	50.802	126.199	103.594	139.967	110.290	2.574.278	94,0%
36	Phú Yên	1.602.454	620.036	581.366	0	17.698	94.457	84.606	78.083	1.476.246	92,1%
37	Khánh Hòa	2.835.860	972.888	939.934	0	342.138	269.576	116.181	114.954	2.755.671	97,2%
38	Ninh Thuận	1.236.810	429.688	396.482	0	103.917	53.975	59.613	54.252	1.097.927	88,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 122 đợt
39	Bình Thuận	2.665.820	900.265	853.570	7.207	108.383	20.784	114.863	71.535	2.076.607	77,9%
Cộng miền Trung		23.440.228	8.450.498	8.074.857	96.109	1.205.214	1.047.769	1.094.785	944.222	20.913.454	89,2%
40	Kon Tum	984.090	317.333	300.161	4.708	70.134	33.009	58.717	53.646	837.708	85,1%
41	Gia Lai	2.587.452	975.417	863.140	69.352	40.589	114.784	165.408	136.852	2.365.542	91,4%
42	Đắk Lắk	3.225.460	1.252.724	1.174.311	0	308.622	90.525	177.582	154.921	3.158.685	97,9%
43	Đắk Nông	1.200.940	401.977	392.908	0	120.040	56.559	67.958	65.117	1.104.559	92,0%
Cộng Tây Nguyên		7.997.942	2.947.451	2.730.520	74.060	539.385	294.877	469.665	410.536	7.466.494	93,4%
44	TP. HCM	20.255.820	7.450.449	6.762.261	12.340	733.320	3.800.501	721.107	704.106	20.184.084	99,6%
45	BR-VT	2.531.240	968.210	888.745	0	0	344.378	110.417	108.810	2.420.560	95,6%
46	Đồng Nai	6.233.240	2.714.804	2.337.973	0	96.398	249.630	177.370	128.933	5.705.108	91,5%
47	Tiền Giang	3.657.690	1.319.393	1.277.108	138.390	87.963	378.551	156.458	148.884	3.506.747	95,9%
48	Long An	4.058.390	1.499.297	1.449.535	30	15.844	777.330	170.690	157.011	4.069.737	100,3%
49	Lâm Đồng	2.893.304	975.796	952.350	0	360.992	87.713	136.332	115.387	2.628.570	90,9%
50	Tây Ninh	2.555.460	872.711	825.040	10.161	25.680	313.011	89.125	87.277	2.223.005	87,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 122 đợt
51	Cần Thơ	2.690.818	924.409	1.171.258	5.874	253.711	119.837	105.452	49.238	2.629.779	97,7%
52	Sóc Trăng	2.610.960	887.380	851.673	0	472.841	10.887	116.852	109.087	2.448.720	93,8%
53	An Giang	3.977.092	1.358.015	1.336.357	183.900	349.604	137.447	202.037	183.444	3.750.804	94,3%
54	Bến Tre	2.912.480	1.020.636	995.171	0	404.983	139.322	106.936	102.145	2.769.193	95,1%
55	Trà Vinh	2.033.270	787.383	576.885	0	19.336	266.018	85.371	78.647	1.813.640	89,2%
56	Vĩnh Long	2.286.120	775.110	753.164	0	251.436	174.547	91.343	86.626	2.132.226	93,3%
57	Đồng Tháp	3.484.710	1.125.551	1.164.445	148	265.221	68.335	144.649	115.048	2.883.397	82,7%
58	Bình Duơng	6.064.450	2.379.843	1.939.931	0	22.061	236.033	186.968	141.929	4.906.765	80,9%
59	Bình Phước	2.183.780	751.136	716.190	0	148.084	65.231	109.584	100.949	1.891.174	86,6%
60	Kiên Giang	3.566.150	1.236.952	1.142.068	64.566	0	94.484	142.591	155.939	2.836.600	79,5%
61	Cà Mau	2.397.190	818.765	808.584	0	377.595	102.379	112.461	111.262	2.331.046	97,2%
62	Bạc Liêu	1.604.190	566.741	554.455	0	167.936	87.456	88.373	85.246	1.550.207	96,6%
63	Hậu Giang	1.479.590	530.773	510.152	0	163.111	55.236	74.042	71.065	1.404.379	94,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 122 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 122 đợt
	Cộng miền Nam	79.475.944	28.963.354	27.013.345	415.409	4.216.116	7.508.326	3.128.158	2.841.033	74.085.741	93,2%

Ghi chú:

- 3.698.970 liều vắc xin Pfizer đợt 121, 122I có Quyết định phân bổ ngày 24/01/2022, các địa phương đang tiếp nhận vắc xin, chưa triển khai tiêm chủng.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 63.890 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.556.220 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.235.193 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 141.190 liều nhắc lại.

- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 121.956 liều, trong đó có 59.902 mũi 1, 37.811 mũi 2 và 24.243 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 872.000 liều).

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 25/01/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	42,8%	100,0%	98,7%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	3,4%	90,5%	88,2%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,2%	94,6%	14,0%	99,8%	90,1%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	97,9%	95,5%	8,4%	100,0%	97,4%
5	Hà Nam	612.219	72.258	94,8%	93,1%	20,1%	98,2%	95,6%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	98,3%	12,7%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.389.774	282.970	96,6%	89,4%	1,1%	99,3%	76,5%
8	Bắc Giang	1.322.538	168.720	98,5%	96,8%	54,2%	88,4%	83,2%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	98,4%	93,3%	24,0%	98,8%	92,5%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	95,6%	86,3%	3,5%	97,0%	83,7%
11	Vĩnh Phúc	789.896	113.795	98,7%	88,6%	11,7%	94,8%	90,1%
12	Hải Dương	1.331.799	166.013	99,1%	89,6%	20,8%	94,6%	86,2%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,1%	95,6%	11,6%	97,2%	95,0%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	98,8%	90,3%	12,4%	99,8%	97,7%
15	Bắc Cạn	216.218	26.267	98,3%	91,4%	5,4%	77,6%	23,3%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	96,9%	91,3%	72,9%	98,2%	90,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
17	Hoà Bình	570.146	73.734	94,8%	88,0%	0,9%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	11,9%	100,0%	88,2%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	91,2%	10,3%	97,8%	92,6%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,2%	92,5%	16,2%	99,6%	88,8%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	98,6%	95,8%	46,4%	100,0%	95,4%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	95,8%	28,9%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	97,7%	90,1%	17,3%	94,3%	77,2%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	93,6%	84,4%	17,6%	100,0%	88,4%
25	Yên Bái	510.271	79.169	99,8%	96,2%	20,5%	98,5%	93,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	98,9%	15,0%	98,5%	89,5%
27	Sơn La	834.690	136.147	92,8%	79,4%	10,5%	69,7%	78,5%
28	Điện Biên	336.229	74.737	98,2%	89,5%	20,4%	97,3%	72,3%
Cộng miền Bắc		29.113.237	3.797.068	100,0%	96,2%	22,2%	97,7%	89,5%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	97,6%	93,5%	9,6%	96,1%	74,5%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,5%	90,6%	11,4%	87,4%	58,3%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	95,9%	17,1%	99,2%	95,1%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,3%	96,1%	14,8%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,5%	92,5%	4,4%	91,5%	88,3%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	98,7%	91,9%	10,6%	96,5%	82,4%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	93,7%	89,6%	9,3%	95,5%	75,3%
36	Phú Yên	678.954	86.632	91,3%	85,6%	13,9%	97,7%	90,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	98,6%	28,3%	90,4%	89,5%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	94,5%	12,9%	96,6%	87,9%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	99,8%	94,6%	2,3%	84,6%	52,7%
Cộng miền Trung		8.668.699	1.169.017	97,5%	93,1%	12,1%	93,7%	80,8%
40	Kon Tum	338.741	60.751	93,7%	88,6%	9,7%	96,7%	88,3%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	90,8%	12,1%	95,3%	78,9%
42	Đắk Lắk	1.263.947	206.278	99,1%	92,9%	7,2%	86,1%	75,1%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,3%	97,0%	14,0%	98,7%	94,6%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	509.383	99,7%	92,3%	10,0%	92,2%	80,6%
44	TP. HCM	7.300.000	760.000	100,0%	92,6%	52,1%	94,9%	92,6%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	92,9%	36,0%	98,0%	96,5%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	93,9%	10,0%	60,7%	44,2%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,2%	29,1%	98,7%	93,9%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	99,8%	53,5%	100,0%	93,6%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	98,0%	9,0%	100,0%	87,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại) /dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
50	Tây Ninh	947.189	98.373	92,1%	87,1%	33,0%	90,6%	88,7%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	97,5%	100,0%	12,6%	93,5%	43,7%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	98,3%	1,3%	100,0%	97,8%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,0%	97,4%	10,0%	100,0%	92,3%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,2%	95,8%	13,4%	100,0%	97,8%
55	Trà Vinh	698.227	87.422	100,0%	82,6%	38,1%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	97,9%	22,7%	99,6%	94,5%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	90,4%	93,5%	5,5%	90,6%	72,1%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,2%	10,0%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,0%	94,4%	8,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	189.132	100,0%	95,9%	7,9%	75,4%	82,4%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	12,6%	100,2%	99,1%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,0%	96,8%	15,3%	97,3%	93,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,0%	95,1%	10,3%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.588.505	3.351.141	100,0%	94,5%	26,3%	93,3%	84,8%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 24/01/2022 đến 16h00 ngày 25/01/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 5.035 lượt người (nhập cảnh: 2.693, xuất cảnh: 2.342).
- + Tuyến VN-TQ: 2.130 lượt người (nhập cảnh: 1.083, xuất cảnh: 1.047).
- + Tuyến VN-Lào: 2.147 lượt người (nhập cảnh 1.143, xuất cảnh: 1.004).
- + Tuyến VN-CPC: 758 lượt người (nhập cảnh 467; xuất cảnh: 291).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 1.043 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 900 người (VN-TQ: 04, VN-Lào: 271, VN-CPC: 625).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 142 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 04, VN-CPC: 138).
 - + Số người trao trả: 01 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 25/01/2022 tới ngày 26/01/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 806 lượt người (nhập cảnh: 231 lượt người; xuất cảnh: 575 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 2.398 lượt người (nhập cảnh: 1.631 lượt người; xuất cảnh: 767 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 25/01, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 34 tin/bài tiếng Việt; 80 ảnh trong nước và quốc tế; 23 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện nhiều đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tập trung phản ánh chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19 về công tác phòng, chống dịch; chỉ đạo, kiến nghị của Bộ Y tế, các Bộ, ban, ngành liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19; nỗ lực kiểm soát dịch COVID-19 ở các địa phương; triển khai chặt chẽ quy trình thí điểm sử dụng thuốc Molnupiravir điều trị COVID-19; quản lý nhóm người nguy cơ cao để phòng, chống dịch COVID-19 hiệu quả; chuẩn bị các điều kiện để tổ chức cho học sinh đi học trực tiếp trong thời gian sớm nhất; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân về quê đón Tết; chăm lo, hỗ trợ trẻ em mồ côi do dịch COVID-19...; khuyến cáo người không chủ quan, lơ là trong công tác phòng chống dịch COVID-19; lan tỏa các thông điệp tạo sự

đồng thuận trong phòng, chống dịch COVID-19; Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định phòng, chống dịch COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật diễn biến dịch bệnh tại các nước/khu vực trên thế giới với một số thông tin đáng chú ý như: "Omicron tàng hình" đã xuất hiện ở khoảng 50 nước; quan chức WHO cảnh báo nguy cơ xuất hiện biến thể mới có khả năng lây lan cao hơn Omicron; nghiên cứu mới của Pfizer/BioNTech cho thấy các kháng thể ngăn chặn Omicron vẫn tồn tại 4 tháng sau mũi vaccine thứ ba; WHO: Nguy cơ từ biến thể Omicron vẫn rất cao; Ba Lan nối lại học trực tuyến cho học sinh từ lớp 5 trở lên; số ca mắc mới COVID-19 theo ngày tại Hàn Quốc lần đầu vượt ngưỡng 13.000 ca...

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 24/01, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.121.000 cuộc gọi (ngày 24/01 đã tiếp nhận và xử lý hơn 10 nghìn cuộc gọi).

14/1	15/1	16/1	17/1	18/1	19/1	20/1	21/1	22/1	23/1	24/1
16278	13144	10893	13631	14009	13653	13358	12380	10630	8634	10282

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 24/01/2022 đã tiếp nhận hơn 309 nghìn cuộc (ngày 24/01/2022 đã tiếp nhận 65 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 – 24/01/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 24/01/2022 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	13/1	14/1	15/1	16/1	17/1	18/1	19/1	20/1	21/1	22/1	23/1	24/1
Cuộc gọi đến	61	63	82	50	61	79	75	51	52	42	46	65

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 34.160.434 (+ 306 ngàn so với 24/01/2022, tăng 18.221 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 35,61% dân số, 51,22% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:
- + 3.702.555 điểm đăng ký
- + 152.989 điểm ghi nhận hoạt động.
- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 231.693.064

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 177.388.044
- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 169.203.136
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,39%
- Tổng số thuê bao cài đặt Số sức khỏe điện tử (SKĐT): 32.320.379
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu 16.419.756 (tăng 142.781 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 142.781 người

Bắc Giang	102.614
Hà Nội	11.238
Đồng Nai	5.751
Thừa Thiên Huế	4.469
Bắc Ninh	7.447
Yên Bái	5.056
Quảng Bình	2.614
Thái Nguyên	925
Bình Dương	1.083
An Giang	437
Đồng Tháp	383
Sóc Trăng	325
Vĩnh Phúc	115
Quảng Trị	42
Bình Phước	188
Khánh Hòa	36
Lào Cai	32

Cà Mau	10	
Bình Định	4	
Đắk Nông	9	
Quảng Ninh	3	
- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 6.317.458 (tăng 52903 người)		
Quảng Ninh	2.192	
Hải Dương	221	
Bình Thuận	134	
Bãi Cháy	87	
TPHCM	1.233	
Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh	279	
Bình Định	384	
Yên Bái	954	
Lào Cai	3	
Thái Nguyên	329	
An Giang	53	
Bắc Giang	31.102	
Bắc Ninh	6.989	
Bình Dương	978	
Bình Phước	3	
Cà Mau	2	
Đồng Nai	1.737	
Đồng Tháp	19	
Hà Nội	1.307	
Quảng Bình	179	
Sóc Trăng	22	
Thừa Thiên Huế	422	
Tiền Giang	8	
Vĩnh Phúc	114	
Bệnh viện ĐK Tư nhân Hùng Vương	9	
Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh	343	
Bệnh viện quốc tế Hoàn Mỹ	22	
Bệnh viện sản nhi TWG Long An	25	
Trung tâm ứng dụng tiến KHCN	7	
SOVICO	1.874	
Bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn - Sóc Trăng	10	
Bệnh viện Hồng Ngọc	583	
Bệnh viện Hoàn Mỹ Thủ Đức	2	
Bệnh viện đa khoa trung ương Quảng Nam	1	

Chi cục Thú y vùng II	44
Bệnh viện Nhi đồng 2	313
Viện vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên	1
Phòng khám đa khoa Hòa Hảo	289
Bệnh viện thành phố Thủ Đức	82
Bệnh viện Vinmec Times City	77
Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	312
Bệnh viện Labhouse	158

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...